

CHỦ ĐỀ 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

A. Ôn tập tri thức Ngữ văn về văn bản học có nhiều chủ đề

I. Chủ đề

- Chủ đề được hiểu là các vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản. Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống.

II. Văn bản văn học có nhiều chủ đề

- Thông thường, văn bản văn học sẽ cùng lúc thể hiện nhiều chủ đề và các chủ đề này sẽ được phân loại theo các tiêu chí khác nhau.

- Xét mức độ biểu hiện đậm nhạt, để xác định chủ đề chính và chủ đề phụ nhiều khi phụ thuộc vào sự tiếp nhận khác nhau của người đọc chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào chủ ý của tác giả.

- Xét về tính chất của những điều được biểu hiện, có thể nói đến chủ đề đặc thù dân tộc hay chủ đề phổ quát nhân loại.

-> Sự đa dạng về chủ đề khiến văn bản trở nên đa nghĩa, đáp ứng được sự đón đợi của nhiều loại độc giả khác nhau và mỗi người có thể tìm thấy ở văn bản một điều tâm đắc riêng.

B. Hệ thống kiến thức cơ bản về các văn bản đã học.

I. Bài ca ngất ngưỡng – Nguyễn Công Trứ

1. Nội dung

- Bài thơ thể hiện sự “ngất ngưỡng” của Nguyễn Công Trứ gắn với đỉnh cao danh vọng, coi nhẹ công danh phú quý, không vướng bận chuyện thị phi, ung dung tự tại với cuộc sống phong tình nhưng vẫn luôn giữ vẹn đạo nghĩa trung thân.

2. Nghệ thuật

- Có sự kết hợp giữa từ ngữ trang trọng và từ ngữ dân dã, hình ảnh cụ thể

- Sử dụng hàng loạt biện pháp đối, điệp từ, lặp cấu trúc, điển cố,...

- Vần, nhịp vừa tuân thủ thể loại, vừa có sự linh hoạt, sáng tạo.

3. Cách đọc hiểu một tác phẩm hát nói trung đại :

1. Đọc văn bản, nhận diện đặc điểm thể loại hát nói.

2. Tìm hiểu các thông tin về các tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

3. Đọc kĩ văn bản, dùng liên tưởng, tưởng tượng để hình dung các vấn đề về hiện thực, xã hội, con người ... được tác giả biểu hiện qua ngôn ngữ trong văn bản.

4. Nhận diện bố cục và phân tích văn bản theo bố cục chung của thể hát nói.

5. Từ việc phân tích nội dung hiện thực được phản ánh, phát hiện góc nhìn, thái độ của tác giả, suy nghĩ, cảm nhận tư tưởng, quan niệm của người viết về những vấn đề nhân sinh, xã hội.

6. Liên hệ với bản thân và thực tại để thấy ý nghĩa của thể loại hát nói đối với cuộc sống và con người ngày nay.

II. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Nguyễn Đình Chiểu

1. Nội dung

- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là tiếng khóc bi tráng cho một thời kỳ lịch sử đau thương nhưng vĩ đại của dân tộc, là bức tượng đài bất tử về những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc đã dũng cảm chiến đấu hi sinh vì tổ quốc.

2. Nghệ thuật

- Thể văn biền ngẫu được sử dụng linh hoạt, đa dạng, với nhiều hình thức tổ chức câu văn đạt đến trình độ mẫu mực;
- Sự kết hợp nhuần nhuyễn của các bút pháp, thủ pháp và phương thức nghị luận
- Sự kết hợp thuần thục giữa ngôn ngữ bác học và bình dân.

3. Cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại văn tế

1. Đọc kĩ văn bản, nắm vững hoàn cảnh ra đời bài văn tế, tìm hiểu nhan đề
2. Xác định bố cục, đối tượng của bài văn tế
3. Dựa vào nội dung các phần tìm hiểu hành trạng, sự nghiệp, công đức của người đã khuất và niềm tiếc thương, ca tụng, ghi nhớ công đức của người tế lễ dành cho người đã khuất.
4. Phân tích vai trò và tác dụng của các yếu tố biểu cảm, cách dùng từ ngữ, hình ảnh ... của tác giả trong văn bản.

III. Cộng đồng và cá thể (Trích *Thế giới như tôi thấy* của Anbe- Axtanh)

1. Nội dung

- Văn bản là một bài tiểu luận nêu lên quan điểm về mối quan hệ giữa con người và cộng đồng.

2. Nghệ thuật

- Giọng điệu nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, giàu tính triết lý.
- Vận dụng kiến thức của nhiều lĩnh vực: hội họa, chính trị, kinh tế... qua việc đưa những bằng chứng chứng minh.
- Luận điểm, lí lẽ rõ ràng, cụ thể, sắc bén, giàu tính thuyết phục người đọc, người nghe.
- Ngôn ngữ khách quan, khúc triết...

3. Cách đọc hiểu một tác phẩm nghị luận xã hội

1. Đọc kĩ văn bản và xác định luận đề, luận điểm, luận cứ.
2. Nhận diện vấn đề xã hội được đặt ra trong văn bản là hiện tượng đời sống hay một tư tưởng, đạo lí.
3. Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng trong văn bản để nhận diện mục đích, quan điểm của người viết.
4. Phân tích cách thức lập luận, vai trò và tác dụng củ

C. Ôn tập kĩ năng viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

1. Yêu cầu đối với kiểu bài

- Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm nghệ thuật sẽ bàn tới trong bài viết (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng,...).
- Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm.
- Phối hợp linh hoạt giữa việc trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng cụ thể.
- Thể hiện được sự rung động trước tác phẩm và sự đồng cảm đối với tác giả.

2. Cấu trúc của bài viết:

a. Dàn ý về sức hấp dẫn của một bộ phim, vở kịch, bài hát

- **MB:** Giới thiệu bộ phim (vở kịch, bài hát) và nêu khái quát điểm đặc sắc.
- **TB:** Nêu các ý cụ thể phân tích bộ phim (vở kịch, bài hát):
 - + Phân tích nội dung, ý nghĩa của bộ phim (vở kịch, bài hát).
 - + Phân tích các điểm đặc sắc về hình thức bộ phim (vở kịch, bài hát).
 - + Nêu các nhận xét của người viết về thành công và hạn chế của bộ phim (vở kịch, bài hát).

- **KB:** Nêu đánh giá khái quát về bộ phim (vở kịch, bài hát): giá trị thời sự, hiệu quả tác động tới người xem, dư luận xã hội về bộ phim (vở kịch, bài hát) đó.

b. Dàn ý suy nghĩ về đẹp của một bức tranh hoặc một pho tượng?

- **MB:** Giới thiệu bức tranh hoặc pho tượng mà em cho là có giá trị: bức tượng Nữ thần tự do được đặt ở cảng New York.

- Nêu khái quát các đặc điểm đặc sắc của bức tượng.

- **TB:**

+ Đặc sắc về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của bức tượng.

+ Nhận xét về thành công và hạn chế của tác phẩm.

- **KB:** Đánh giá khái quát về tác phẩm: giá trị thời sự, hiệu quả tác động đến người xem, dư luận xã hội, lịch sử phát triển...

c. Dàn ý phân tích đánh giá một tác phẩm truyện

- **Mở bài:** giới thiệu ngắn gọn về tác giả tác phẩm và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm, chia sẻ người đọc lý do lựa chọn tác phẩm để phân tích đánh giá

- **Thân bài:** tóm tắt nội dung chính của truyện

+ Phân tích đánh giá về chủ đề của truyện dựa trên dẫn chứng từ tác phẩm

+ Phân tích đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm

+ Khi phân tích đánh giá cần có những chi tiết tiêu biểu được dẫn ra từ tác phẩm

- **Kết bài:** Tóm lược được các nhận định trong tác phẩm phần thân bài

d. Dàn ý phân tích đánh giá một tác phẩm thơ

- **Mở bài:**

+ Giới thiệu sơ lược về tác giả, hoàn cảnh xuất xứ, đại ý, nội dung chính của đoạn thơ/bài thơ. Dẫn vào đoạn thơ, bài thơ cần phân tích: trích lại bài thơ (nếu ngắn) còn khổ thơ thì phải ghi lại tất cả.

- **Thân bài:**

+ Khái quát về vị trí trích đoạn hoặc bố cục, mạch cảm xúc chủ đạo của khổ thơ, bài thơ.

+ Phân tích bài thơ/đoạn thơ: trích thơ rồi lần lượt phân tích những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v.... trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để giúp người đọc cảm thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

Lưu ý: Nên phân tích từ nghệ thuật đến nội dung, khi phân tích phải dựa vào từ ngữ có trong bài thơ, hoàn cảnh ra đời, phong cách sáng tác của tác giả để tránh suy diễn miên man, không chính xác, cụ thể:

- **Kết bài:**

+ Khẳng định lại toàn bộ giá trị về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

+ Liên hệ bản thân và cuộc sống (nếu có).

3. Đề tham khảo:

Đề 1. Anh, chị hãy viết bài văn nghị luận về bộ phim “Em của thời niên thiếu”

1. Mở bài: Giới thiệu bộ phim: “*EM CỦA THỜI NIÊN THIẾU*” - Bộ phim cho ta những định nghĩa về trưởng thành.

2. Thân bài:

a. Luận điểm 1. Nhìn nhận khái quát về bộ phim

- Chúng ta mỗi người đều lớn lên theo một cách khác nhau, trải qua theo một cách khác nhau. Ai rồi cũng sẽ có những ngày tháng tươi đẹp nhất của tuổi trẻ, được vô tư vui đùa bên bạn bè, được bố mẹ thầy cô bao bọc yêu thương. Nhưng đồng thời ta cũng có những sai lầm, những vấp ngã, những giây phút đen tối, chơi vơi và cả những khoảnh khắc sụp đổ. Trưởng thành, có lẽ là tất cả những điều ấy.

- *Better Day* – Em của thời niên thiếu mang đến cho ta cái nhìn, cảm xúc chân thực nhất về tuổi 17, về những nỗi đau, nỗi cô đơn và cái giá của sự trưởng thành. Qua *Better Day*, Trần Niệm và Bắc Sơn đã cùng nhau định nghĩa nên tuổi trẻ, định nghĩa nên trưởng thành.

- **Em của thời niên thiếu** là một bộ phim điện ảnh tình cảm tội phạm tuổi mới lớn Trung Quốc năm 2019 của đạo diễn Tăng Quốc Tường do Châu Đông Vũ và Dịch Dương Thiên Tỉ thủ vai chính. Kịch bản phim được chuyển thể từ tiểu thuyết dành cho giới trẻ nổi tiếng *Thời niên thiếu của anh và em* của tác giả Cửu Nguyệt Hi. Phim kể về câu chuyện của một cô học sinh bị bắt nạt và một cậu thiếu niên giang hồ đường phố và cách hai người thay đổi cuộc đời nhau,^[3] cũng như những ước mơ của họ về tương lai và cách họ bảo vệ người kia theo cách của riêng mình.

- Phim khởi chiếu vào ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trung Quốc và vào ngày 8 tháng 11 năm 2019 tại Mỹ, Vương quốc Anh và Canada. Bộ phim đã trở thành một hiện tượng văn hóa đại chúng ở Trung Quốc cũng như thành công phòng vé với tổng doanh thu trên toàn cầu là 227,3 triệu đô la Mỹ. Phim được chọn làm ứng cử viên đại diện cho Hồng Kông trong hạng mục Phim ngoại ngữ hay nhất tại giải Oscar lần thứ 93, sau đó nhận được đề cử giải Oscar cho phim quốc tế xuất sắc nhất và là đề cử đầu tiên được đạo diễn bởi một người gốc Hồng Kông thay vì một đạo diễn Trung Quốc Đại lục.

Luận điểm 2. Phân tích từng khía cạnh của bộ phim

- Trưởng thành là tổn thương và cô độc: “Trưởng thành cũng giống như môn nhảy cầu, cứ nhắm mắt lại, đừng nghĩ gì mà nhảy xuống nước, dù biết dưới đó có sỏi, đá và vỏ sò chúng ta có thể bị đau mà không biết trước, nhưng ai cũng lớn lên theo cách đó cả.” Đó là những khái niệm rất đơn thuần mà *Better Day* đưa ra cho người xem, một định nghĩa dung dị mà sâu sắc về hành trình trưởng thành đầy khắc nghiệt. Thực tế thì, không phải ai cũng đủ dũng khí để trưởng thành. Bạn đã bao giờ tự hỏi thế nào là trưởng thành? Khi nào thì ta trưởng thành? Nếu trưởng thành được xác định bằng con số tuổi tác thì điều ấy thật là vô nghĩa. Suy cho cùng, bạn chỉ có thể đo đếm sự trưởng thành bằng những trải nghiệm. Xã hội luôn đặt ra những dấu mốc cho sự trưởng thành và trong “*Better Day*”, đó là kì thi đại học.

- Tiểu Niệm và rất nhiều những cô cậu học trò khác lấy kì thi đại học làm dấu mốc cho sự trưởng thành. Ở thời điểm chên vênh nhất của tuổi trẻ, xã hội bảo bạn rằng bạn chỉ có thể được công nhận khi đỗ đại học và thế là bạn lao đầu vào học dù nhiều người không thể tưởng tượng nổi sau khi đỗ đại học rồi sẽ thế nào. Đôi khi chúng ta học tập và ôn thi chỉ để bản thân có mục đích rõ ràng ở thời điểm đó chứ không hẳn vì đó là điều mà ta

mong muốn. Chúng ta đều đáng thương bởi ta phải trưởng thành theo cách mà xã hội mong muốn – một hành trình trưởng thành đúng nghĩa, chuẩn mực nhưng đôi khi lại vô tình đem lại cho ta tổn thương và cô độc.

Trưởng thành là sai lầm và vấp ngã

- Chính vì cô đơn và tổn thương nên người trẻ thường rất dễ mắc phải sai lầm. Chúng ta có quá ít sự lựa chọn để biết rằng mình có bao nhiêu con đường và con đường nào là tốt nhất cho mình. Chúng ta còn quá trẻ để biết nghĩ lớn hơn, xa hơn, rộng hơn, sâu hơn và đôi khi, chính vì thế mà ta trở nên nông nổi và vấp ngã. Từ “khắc nghiệt” để nói về quá trình trưởng thành của các nhân vật trong phim bởi họ đều sai lầm và vấp ngã nhiều lần để có thể tìm về bản ngã của chính mình và họ đều phải trả một cái giá rất đắt cho những việc mình đã quyết định sai. “Better Day” không phải một bộ phim thanh xuân vườn trường vui tươi, trong sáng mà phim phản ánh mặt u tối, buồn bã, nặng nề và đầy ám ảnh của những góc khuất học đường mà thật lòng mình mong càng ít người đồng cảm càng tốt. Song song với kì thi đại học, phim đặt ra một vấn đề thực tế nhức nhối trong xã hội hiện nay: bạo lực học đường. “Một là bị bắt nạt. Hai là đi bắt nạt người khác”. Khái niệm về tình bạn là một điều vô cùng xa xỉ trong phim vì những mối quan hệ chỉ được xây dựng qua nỗi sợ hãi và sự phục tùng. Dường như những đứa trẻ bù đắp sự tổn thương và thiếu thốn của chúng bằng cách trút giận lên những đứa yếu thế hơn. Trong lớp học, trước những trò đùa nghịch quá đáng, ta thấy hai thái độ: hùa theo và tiếp tục buông lời trêu chọc hoặc lén lút nhìn bằng ánh mắt ái ngại rồi lại cúi gằm mặt xuống. Chúng ta trở thành những kẻ xấu hoặc trở thành những kẻ im lặng hèn nhát. Thế giới trở nên xấu xí hơn không chỉ bởi những kẻ ác mà còn bởi sự im lặng của những người tốt.

- Trưởng thành là tìm thấy một người cũng mình trải qua khó khăn. May mắn của Trần Niệm và Bắc Sơn là họ tìm thấy nhau giữa muôn vàn ngã rẽ phức tạp, đắng cay của tuổi trưởng thành. Nhìn bề ngoài, đó là mối quan hệ đầy khác biệt giữa một học sinh giỏi và một thanh niên lưu manh, không được giáo dục tử tế. Nếu ta lấy thi đỗ đại học làm dấu mốc trưởng thành thì Lưu Bắc Sơn thậm chí còn không có cơ hội để chạm tay đến hai chữ danh giá ấy. Họ giao nhau về sự tổn thương của những đứa trẻ đang loay hoay để lớn, giống như câu nói mà Bắc Sơn đọc được trong vở Tiểu Niệm: “We are all in the gutter, but some of us are looking at the stars” - Chúng ta đều là những kẻ sống trong tận cùng cống rãnh nhưng vài người trong số chúng ta vẫn đang hướng tới những vì sao. Khi đơn độc, họ cúi gằm mặt trong nhục nhã và cay đắng, nỗ lực vươn lên yếu ớt nhưng khi tìm thấy nhau, họ đã có niềm tin và yêu thương để ngẩng lên nhìn những vì sao trên bầu trời rộng lớn. Có nhau, họ có dũng khí để hi vọng. “Mình chỉ là một thằng không tiền, không nể, không tương lai nhưng khi mình thích một người, mình chỉ muốn người đó được hạnh phúc nhất.”. “Vậy nói trước rồi nhé. Cậu bảo vệ thế giới, tớ bảo vệ cậu”

3. Kết bài: Đánh giá chung về tác phẩm nghệ thuật

“Em của thời niên thiếu”, mình rất thích tựa Việt này của phim. Cái tên gợi nên bao hoài niệm về những ngày đã qua, những ngày vụng dại và ngây ngô nhất nhưng có lẽ lại là những ngày ta sống trọn vẹn nhất với cảm xúc của mình. Còn nhan đề gốc Better Day khiến mình tự hỏi rằng những ngày tốt đẹp hơn ở đây là những ngày nào? Là những ngày tháng trưởng thành trong cảm lạnh và buồn bã hay những ngày thiếu niên sôi nổi

mà lại đầy rẫy những sai lầm? Dầu tuổi trẻ của mỗi người mỗi khác nhưng chúng ta đều mắc phải sai lầm và bị tổn thương, đều từng vấp ngã.

Đề 2. Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận về giá trị nội dung, nghệ thuật bài thơ “Mạch nguồn đất mẹ”

MẠCH NGUỒN ĐẤT MẸ

*Giếng làng có tự ngàn xưa
Bạc đá mòn lò xo bụi cỏ
Cụm bèo ong dập dềnh trước gió
Mắt giếng trong in bóng mây trời*

*Giếng giữ trong lòng lịch sử quê tôi
Người phụ nữ chân trần gánh nước
Đòn gánh tre oằn trong cơ cực
Để mạch nguồn thốn thức dưới lòng khơi*

*Giếng bao đời vẫn thế giếng ơi
Sau vòm đa xanh là khoảng trời lặng lẽ
Con bóng xưa giỡn trăng vàng quấy nhẹ
Những vòng trăng theo sóng nước loang xa*

*Tôi trở về bên giếng nước gốc đa
Cầm chiếc gàu múc lại thời thơ bé
Nước mát ngọt từ mạch nguồn đất mẹ
Tôi uống vào lòng cả mảnh hồn quê.*

2017, Nguyễn Thị Thu Hà

1. Mở bài

- **Dẫn dắt.** Bàn về thiên chức của thơ ca, Nguyễn Đăng Mạnh từng khẳng định “Thơ ra đời cốt để nói những điều sâu kín, mơ hồ nhất của tâm hồn con người”. Với trái tim nhạy cảm, tâm hồn tinh tế, lắng nghe những rung động của cuộc đời, nhà thơ đã diễn tả những cung bậc sắc thái mong manh trong thế giới nội tâm con người cũng như vẻ đẹp của cuộc đời.

- **Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm.** Qua bài thơ “Mạch nguồn đất mẹ” của Nguyễn Thị Thu Hà, ta đã thấy được tình yêu quê hương đồng thời cũng thể được nỗi nhớ quê hương da diết của tác giả.

2. Thân bài

2.1. Khái quát chung

- **Dẫn dắt.** Ai đó đã từng nói: “Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm”, qua thi phẩm ta có thể cảm nhận được tâm hồn đầy đẹp đẽ thanh cao của Nguyễn Thị Thu Hà.

- **Giới thiệu tác giả, tác phẩm.** Nguyễn Thị Thu Hà là một trong những nhà văn tiêu biểu của nền văn học Việt Nam. Với phong cách thơ nhẹ nhàng du dương, thấm đượm tình yêu quê hương làng xóm thì “Mạch nguồn đất mẹ”- thi phẩm đã là nên tên tuổi của

bà trong lòng độc giả. Thi phẩm đã thể hiện được tình yêu nỗi nhớ của tác giả dành cho quê hương, xóm làng.

2.2. Phân tích

a. Khổ thơ đầu

- Dẫn dắt. “Thơ cần có hình co người ta thấy, có ý cho người ta nghĩ và có tình để rung động trái tim”.

- Phân tích. Nội dung của thi phẩm được thể hiện bằng hình ảnh “giếng” đầy quen thuộc của làng quê Việt Nam:

*“Giếng làng có tự ngàn xưa
Bạc đá mòn lò xoà bụi cỏ
Cụm bèo ong dập dềnh trước gió
Mắt giếng trong in bóng mây trời”*

+ Khổ thơ đầu mở đầu bằng hình ảnh “giếng”, đây là một hình ảnh gắn liền với cuộc sống làng quê lưu giữ những kỉ niệm khi ta thơ bé, là nơi chứng kiến ta trưởng thành. Ta cũng từng bắt gặp hình ảnh của chiếc “giếng” trong tác phẩm “Đồng Chí” :

“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”

+ Bằng việc sử dụng hình ảnh “bạc đá” kết hợp với tính từ “mòn” cùng phép đảo ngữ “lò xoà bụi cỏ”, Nguyễn Thị Thu Hà đã vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh của chiếc giếng cũ kĩ có từ “ngàn xưa” cùng với những bạc đá mòn với những nhúm cỏ mọc chen chúc nhau. Qua đó ta như thấy được sự gắn bó của chiếc giếng đối với quê hương của tác giả. Nó như nhân chứng, chứng kiến sự thay đổi của vạn vật, từ ngày lập làng đến tận bây giờ.

+ Những câu thơ tiếp theo tác giả lại viết:

*“Cụm bèo ong dập dềnh trước gió
Mắt giếng trong in bóng mây trời”*

Hình ảnh “cụm bèo ong” kết hợp với từ láy “dập dềnh” , tác giả vô cùng tài tình khi sử dụng cái động diễn tả cái tĩnh, từ đó đã diễn tả sự chuyển động, sóng sánh của nước khi có cơn gió nhẹ nhàng thổi ngang qua. Qua đó, ta như thấy được sự yên bình thanh thản của xóm làng. Hình ảnh “mắt giếng trong” là một hình ảnh thơ vô cùng độc đáo . Ta có thể hiểu “mắt giếng” ở đây có thể là hình ảnh của chiếc giếng nhỏ được nhìn từ trên cao xuống, in bóng mây trắng, trời xanh. Bằng việc sử dụng hình ảnh thơ đầy quen thuộc, gần gũi “giếng, bạc đá, cụm bèo ong” cùng các tính “trong, mòn” kết hợp với từ láy “dập dềnh” cùng các biện pháp nghệ thuật độc đáo, tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc khung cảnh làng quê bình dị, yên ả, gần gũi và đầy thân thuộc.

b. Khổ thơ thứ 2

- Dẫn dắt. Shelly từng nói: “Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời thành bất tử”. - Phân tích. Và hình ảnh “giếng” trong thi phẩm của Nguyễn Thị Thu Hà đã đi vào lịch sử:

“Giếng giữ trong lòng lịch sử quê tôi”

+ Câu thơ mở đầu. Khổ thơ với bốn câu đã thành công khắc họa được sự gắn bó, liên quan đầy mật thiết của giếng đối với quê hương của tác giả. Nó như một nhân chứng sống của lịch sử, xóm làng. Qua cụm từ “giữ trong lòng”, tác giả như nhấn mạnh về sự khẳng khái dài lâu của chiếc giếng. Trong lòng lịch sử của thời gian, giếng đã chứng kiến

sự ra đi mất mát, chứng kiến sự khó khăn gian khổ, sự chia li hội họp. Cũng chính vì thế mà tác giả đã dành một khổ thơ riêng để nhấn mạnh tầm quan trọng và mối quan hệ mật thiết của giếng đối với đời sống của người dân.

+ Ba câu tiếp: Hình ảnh người phụ nữ chân trần được tô đậm

*“Người phụ nữ chân trần gánh nước
Đòn gánh tre quằn trong cơ cực
Để mạch nguồn thốn thức dưới lòng khơi”*

Thành công của tác giả khi sử dụng hình ảnh “người phụ nữ chân trần” đang phải gánh nước kết hợp với hình ảnh “đòn gánh tre” cùng động từ “quằn”, đã cho ta thấy được sự đói khổ thiếu thốn. Người phụ nữ bước từng bước nặng nhọc, gánh từng đòn nước nặng để nuôi sống gia đình, nuôi sống các con của mình. Hình ảnh “đòn gánh tre quằn trong cơ cực” như thể hiện ý chí, nghị lực mãnh liệt, quằn lên để chống lại sự đói khổ thiếu thốn. Chính điều đó khiến cho:

“Để mạch nguồn thốn thức dưới lòng khơi”

Bằng việc sử dụng hình ảnh “mạch nguồn” kết hợp với từ láy “thốn thức” - tâm trạng xúc động bị đè nén, tác giả đã cho ta thấy được tình cảm thái độ của mạch nguồn trước khung cảnh đói khổ. Nó buồn bã, thương xót cho số phận đầy khó khăn, nghèo túng của dân làng để rồi phải “thốn thức dưới lòng khơi”. Khổ thơ đã vô cùng thành công khi tác giả sử dụng những hình chân thực như: “người phụ nữ chân trần”, “đòn gánh tre” kết hợp với động “quằn” và phép nhân hóa “mạch nguồn thốn thức” đã nhấn mạnh sự nghèo khó cơ cực của những người phụ nữ nói riêng và dân làng nói chung, đồng thời cũng thể hiện sự thương xót, đồng cảm dành cho những số phận nghèo túng, éo le của tác giả.

c. Khổ thơ thứ ba.

- Dẫn dắt. Hình ảnh giếng làng trở lại rõ nét hơn

*“Giếng bao đời vẫn thế giếng ơi
Sau vòm đa xanh là khoảng trời lặng lẽ
Con bóng xưa giõn trang vàng quẩy nhẹ
Những vầng trăng theo sóng nước loang xa*

- Phân tích.

+ Mở đầu khổ thơ ta lại lần nữa bắt gặp hình ảnh “giếng” được lặp lại hai lần trong một câu thơ kết hợp với thán từ “ơi” đã thể hiện sự thân quen, gần gũi của tác giả đối với chiếc giếng quê hương. Sau bao năm xa quê hương, cho đến khi trở về chiếc giếng xưa vẫn còn đây, vẫn là bóng hình quen thuộc chứa đựng bao kỉ niệm.

+ Ở câu thơ thứ hai ta đã bắt gặp hình ảnh “vòm đa xanh”. Đi đôi với “giếng” thì ảnh “cây đa” cũng là hình ảnh vô cùng gần gũi đối với làng quê Việt Nam. Cây đa cũng chính là linh hồn nhân chứng sống qua năm tháng, ghi lại từng nhịp, từng khắc của cuộc sống, của quê hương. Hình ảnh “khoảng trời lặng lẽ” ở đây không chỉ là khung cảnh của miền quê yên ả mà còn gợi ra khoảng lặng trong tâm hồn của tác giả. Tác giả lắng tâm mình lại, tránh xa khỏi những bẽ bộn của cuộc sống, những nỗi lo âu cơm áo gạo tiền để lại một lần nữa trở về những ngày thơ bé, được bà, được mẹ kể cho nghe những câu chuyện cổ tích với chú “cá bóng” nhỏ.

+ Với hình ảnh “chú cá bóng” kết hợp với các động từ “giõn, quấy” đã gợi ra khung cảnh chú cá nhỏ hồn nhiên tung tăng quấy nước, làm cho bóng trắng loang thành những vòng xa.

d. Khổ thơ cuối

- Khép lại bài thơ là khung cảnh ngày tác giả trở lại quê hương:

*“Tôi trở về bên giếng nước gốc đa
Cầm chiếc gàu múc lại thời thơ bé
Nước mát ngọt từ mạch nguồn đất mẹ
Tôi uống vào cả mảnh hồn quê”*

- Phân tích.

+ Bằng việc sử dụng đại từ nhân xưng “tôi” cùng với động từ “trở về” và các hình ảnh thơ “giếng nước, gốc đa” đã cho ta thấy được sự trở về của tác giả. Sau bao năm cách xa quê hương, xóm làng thì giờ đây tôi đã trở về, hòa mình với giếng nước gốc đa thân thương kỉ niệm. Giếng nước, gốc đa là nơi lưu giữ quá trình trưởng thành của “tôi” nên khi “tôi” trở về bên chúng là trở về với tuổi thơ của bản thân mình- một tuổi thơ vất vả nhưng hạnh phúc, ý nghĩa:

*“Cầm lên chiếc gàu múc lại thời thơ bé
Nước mát ngọt từ mạch nguồn đất mẹ”*

+ “Tôi” trở lại quê hương, trở lại nơi chôn rau cắt rốn của mình, trở lại bên gốc đa giếng nước, đắm chìm vào kỉ niệm xưa. Vì thế mà “tôi” đã “múc lại thời thơ bé” của mình, thời mà mẹ phải gánh nước mưu sinh, thời mà bản thân vô ưu vô lo chạy nhảy trên những cánh đồng. Chính vì thế mà “tôi” cảm thấy “ngọt”. Vị ngọt ở đây không chỉ là vị ngọt của nước giếng mà đó còn là vị ngọt của tâm hồn khi được trở về quê hương, xóm làng sống lại những ngày thơ bé. Câu thơ cuối như lời tâm tình thủ thỉ:

“Tôi uống vào lòng cả mảnh hồn quê”

“Mảnh hồn quê” ở đây có nghĩa là những mảnh tâm hồn của quê hương nơi chứa đựng kỉ niệm tuổi thơ đầy thanh bình yên ả. Chính vị ngọt của tâm hồn, vị ngọt của quê hương đã khiến cho tác giả “uống vào lòng cả mảnh hồn quê”.

e. Nghệ thuật thể hiện

- Dẫn dắt. Quả thực “bài thơ hay là bữa tiệc của ngôn từ”.

- Đặc sắc về nghệ thuật. Bằng việc sử dụng thể thơ tự do tạo tính nhạc cho cả bài thơ; ngôn ngữ thơ bình dị, thân thuộc; giọng điệu nhẹ nhàng tha thiết chất chứa tình cảm của tác giả “giếng bao đời vẫn thế giếng ơi”; kết hợp với các biện pháp nghệ thuật độc đáo: nhân hóa (“mắt giếng trong in bóng mây trời”), điệp từ,.. cùng các từ láy: “đập dềnh, thôn thức”; động từ: “quần, trở về” cùng các hình ảnh thơ vô cùng chân thực, gần gũi: “giếng, gốc đa,...” đã góp phần thể hiện tình yêu hương đất nước, nỗi nhớ da diết của tác giả, đồng thời ta cũng cảm nhận được sự tài tình của tác giả trong từng câu thơ, bởi cái tài vì cái tâm mà bay lên, cái tâm vì cái tài mà tỏa sáng.

2.3. Đánh giá

- Dẫn dắt. Nghệ thuật là lĩnh vực độc đáo đòi hỏi người viết phải có phong cách nổi bật tức là phải có nét gì đó, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình”.

- Khẳng định giá trị của bài thơ và tài năng sáng tác của nhà thơ. Bằng việc sử dụng thể thơ tự do, ngôn ngữ thơ giàu tình cảm, hình ảnh thơ thân quen, gần gũi, cùng các biện

pháp nghệ thuật độc đáo đã thể hiện được nỗi nhớ quê hương cùng tình yêu quê hương, làm xóm, đồng thời cũng thể hiện được tài năng sáng tác độc đáo, thu hút độc giả của Nguyễn Thị Thu Hà.

3. Kết bài

Chế Lan Viên từng khẳng định: “Cái kết tinh của văn thơ là muối bể/ Muối lắng ở ô nê, thơ đọng ở bể sâu”. Một thi phẩm chân chính luôn đọng lại những gì tốt đẹp nhất trong lòng độc giả và “Mạch nguồn đất mẹ” là một tác phẩm như thế. Qua bài thơ, độc giả không khỏi xao xuyến trước khung cảnh làng quê bình dị và ngưỡng mộ tình yêu quê hương đất nước của bà.

D. LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP

I. Đề luyện đọc hiểu

1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THUỘC THỂ LOẠI HÁT NÓI ĐỀ LUYỆN 01

Đọc văn bản sau:

*Đi không, há lẽ trở về không ?
Cái nợ cầm thư phải trả xong !!
Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt.
Trót đem thân thế hẹn tang bồng.*

*Đi không, há lẽ trở về không ?
Cái nợ cầm thư phải trả xong !!
Đã mang tiếng ở trong trời đất.
Phải có danh gì với núi sông.*

*Đã mang tiếng ở trong trời đất.
Phải có danh gì với núi sông.*

*Trong cuộc trần ai, ai dễ biết ?
Rời ra mới rõ mặt anh hùng.
Sống ở đời ai, ai cũng biết ?
Rời ra mới rõ mặt anh hùng.*

*Đã mang tiếng ở trong trời đất.
Phải có danh gì với núi sông.
Sống ở đời ai, ai cũng biết ?
Rời ra mới rõ mặt anh hùng.*

Đi thi tự vịnh, Nguyễn Công Trứ

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Căn cứ vào nội dung bài thơ, xác định hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

Câu 3. Nêu hiệu quả của phép đối sử dụng trong hai câu thơ

Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt

Dở đem thân thể hẹn tang bồng

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về quan niệm chí làm trai của Nguyễn Công Trứ qua hai câu thơ:

*Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông*

Câu 5. Chỉ ra điểm khác nhau giữa tư tưởng về công danh của Nguyễn Công Trứ trong bài thơ với tư tưởng của Cao Bá Quát qua những dòng thơ:

*Xưa nay phường danh lợi
Tất tả trên đường đời
Đầu gió hơi men thơm quán rượu
Người say vô số, tỉnh bao người
- Bài ca ngắn đi trên bãi cát-*

GỢI Ý

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Khi Nguyễn Công Trứ đã trải qua con đường thi cử đầy gian truân và lận đận. Và giờ đây, Nguyễn Công Trứ lại tiếp tục con đường đi thi để trả nợ công danh và khi.

Câu 3. Hiệu quả của nghệ thuật đối trong hai câu thơ:

*Ráp mợn điền viên vui tuế nguyệt
Dở đem thân thể hẹn tang bồng*

- Nghệ thuật đối trong hai câu thơ là: Đối giữa “ráp mợn” với “dở đem”; giữa “điền viên vui tuế nguyệt” với “thân thể hẹn tang bồng”

- Hiệu quả của nghệ thuật đối:

+ Nhấn mạnh sự đối lập giữa niềm vui thú trong cảnh an nhàn nơi vườn quê với những thú vui trăng sao với việc buộc phải khăng định được chí làm trai, sức trẻ nhiệt huyết đầy ngạo nghễ đầy khí phách giữa cuộc đời.

+ Thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình vẫn luôn là niềm vui, niềm lạc quan tin tưởng vào tài năng, cốt cách của chính mình.

+ Tạo sự cân đối, nhịp nhàng; góp phần thể hiện nhịp điệu, giọng điệu cho hai câu thơ.

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về quan niệm chí làm trai của Nguyễn Công Trứ qua hai câu thơ:

*Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông*

- Hai câu thơ đã thể hiện quan niệm về chí làm trai của Nguyễn Công Trứ. “Tiếng” là chỉ thân phận nam nhi trong trời đất, sinh ra đã là kẻ nam nhi. “Danh” là sự ghi nhận tên tuổi, tài năng trên bia đá bằng vàng, để lại tiếng thơm muôn đời.

- Quan niệm về chí làm trai của Nguyễn Công Trứ thể hiện qua hai câu thơ là: Khi đã sinh ra là kẻ nam nhi trong cuộc đời thì phải ý thức được trách nhiệm, bổn phận của mình giữa đất trời, cuộc đời và phải bằng tài năng, cốt cách của bản thân để đóng góp cho cuộc đời để ghi lại tên tuổi của mình trên bia đá, bằng vàng và lưu danh tên tuổi muôn đời.

Câu 5. Điểm khác nhau giữa tư tưởng công danh của Nguyễn Công Trứ với tư tưởng của Cao Bá Quát

- Tư tưởng công danh của Nguyễn Công Trứ là:

- + Nguyễn Công Trứ coi “danh” – sự để lại tên tuổi, tiếng thơm muôn đời cũng chính là “nợ” phải trả khi sinh ra là kẻ nam nhi trong cuộc đời.
- + Nguyễn Công Trứ quan niệm đỗ đạt làm quan cũng chính là thực hiện cái danh và cái danh đó, sự đỗ đạt đó phải để giúp dân, giúp nước.
- + Nguyễn Công Trứ cũng quan niệm khi đã dấn thân vào con đường công danh thì phải khao khát theo đuổi.
- Tư tưởng của Cao Bá Quát qua những dòng thơ:
 - + Cao Bá Quát coi “công danh” như thứ men rượu dễ làm con người say.
 - + Nhà thơ cũng cho rằng: công danh gắn liền với sự ích kỉ, vụ lợi, toan tính
 - + Cao Bá Quát cũng khẳng định: Danh phải gắn với thực để thay đổi thời đại.

2. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THUỘC THỂ LOẠI VĂN TẾ

ĐỀ LUYỆN 01

Đọc đoạn trích sau:

*...Cũng có kẻ nhờ nhàn một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa,
Ngán ngơ khi trở về già,
Đâu chồng con tá biết là cậy ai?
Sống đã chịu một đời phiền não
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa,
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?*

*Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Dồi tháng ngày hành khát ngược xuôi,
Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xóm, chết vùi đường quan!*

*Cũng có kẻ mắc oan tù ngục
Gửi mình vào chiếu rách một manh.
Năm xương chôn rấp góc thành,
Kiếp nào cớ được oan tình ấy đi?*

*Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,
Lỗi giờ sinh là mẹ là cha.
Lấy ai bồng bế vào ra,
U ơ tiếng khóc thiết tha nỗi lòng...*

(Trích Văn tế thập loại chúng sinh – Nguyễn Du)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng đoạn trích.

Câu 2. Đối tượng chiêu hồn trong đoạn trích trên là những ai? Họ là những người có số phận như thế nào?

Câu 3. Nêu hiệu quả của các câu hỏi tu từ xuất hiện trong đoạn trích trên.

Câu 4. Theo em, vì sao nhà thơ Nguyễn Du lại dành nhiều tình yêu thương cho

“thập loại chúng sinh”?

Câu 5. Nhận xét về tình cảm, thái độ của nhà thơ với những con người được nhắc đến trong đoạn trích.

GỢI Ý

Câu 1. Các phương thức biểu đạt xuất hiện trong đoạn trích là: Tự sự, biểu cảm

Câu 2.

- Đối tượng miêu tả trong đoạn trích trên là: Những người đàn bà, những kẻ hành khất, người mắc tù oan, những đứa trẻ chết yểu.
- Họ là những người có số phận bất hạnh, đáng thương, là phận con ong cái kiến bị xã hội vùi dập, sống trong đau khổ, chết trong oan ức.

Câu 3.

- Những câu hỏi tu từ trong đoạn trích trên:

*Đâu chồng con tá biết là cậy ai?
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?
Kiếp nào cỏi được oan tình ấy đi?*

- Tác dụng:

- + Thể hiện nỗi niềm trăn trở, băn khoăn, xót thương, đau đớn của tác giả trước số phận bất hạnh, khổ đau của những con người nhỏ bé, nhất là của những người phụ nữ.
- + Đó không chỉ là những câu hỏi không có lời đáp về nỗi đau khổ của nhân sinh mà ẩn chứa trong những câu hỏi đó còn là tiếng nói đầy căm phẫn đối với chế độ xã hội phong kiến đầy bất công ngang trái đã áp bức, đẩy dọa con người.
- + Tạo nên giọng điệu buồn thương, da diết cho lời thơ.

Câu 4. Nhà thơ Nguyễn Du dành nhiều tình yêu thương cho “thập loại chúng sinh”, vì:

- Xuất phát từ hiện thực cuộc sống: Xã hội phong kiến đầy những bất công ngang trái. Cuộc sống của con người vô cùng khổ cực. Họ là những con người bất hạnh, là nạn nhân của xã hội bất công;
- Xuất phát từ con người và cuộc đời của Nguyễn Du:
- + Nguyễn Du là người có tấm lòng nhân ái, thương người; có trái tim biết đồng cảm, yêu thương.
- Nguyễn Du cũng đã từng trải nghiệm 15 năm gió bụi đói, rét.. nên ông thấu hiểu cho nỗi đau của “thập loại chúng sinh”.

Câu 5.

- Tình cảm, thái độ của nhà thơ với những con người được nhắc đến trong đoạn trích: Niềm cảm thông sâu sắc, nỗi xót xa, thương cảm cho cuộc đời bất hạnh của họ.
- Biểu hiện:
 - + Hiểu được phận đàn bà nhiều truân chuyên, nhà thơ buông lời than đầy chua xót “Đau đớn thay phận đàn bà”;
 - + Hiểu được cuộc sống nhục nhằn đói rét của những kẻ hành khất, nhà thơ cảm thán: “Thương thay cũng một kiếp người”;
 - + Nguyễn Du như đau với nỗi đau của những kẻ tù tội, chết oan, khóc với tiếng khóc của những đứa trẻ vừa sinh ra đã phải lìa mẹ lìa cha..

3. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THUỘC THỂ LOẠI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI ĐỀ LUYỆN 01

Đọc đoạn trích:

Cách mạng Công nghiệp 4.0 là gì ?

- Là cái mới thay cái cũ.
 - Là Công ty mới thay thế các Công ty cũ. Đại học mới thay thế đại học cũ.
 - Mỗi cuộc cách mạng sẽ tạo cơ hội chỉ cho một vài nước bứt phá lên thành nước công nghiệp phát triển. Tạo cơ hội cho một số đại học bứt phá lên thành đại học hàng đầu.
- Cách mạng 4.0 đột phá về việc học: Chung qui chỉ có một chữ là LÀM NGƯỢC. Cách mạng 4.0 mở ra một cơ hội về sự làm ngược nhưng mang lại kết quả bất ngờ... Đi sau, nhưng làm khác người đi trước, các công cụ 4.0 chủ yếu hỗ trợ cho sự làm khác, làm ngược, bằng cách này chúng ta sẽ đi trước một cách vượt trội các nước đi trước chúng ta. 4.0 đi liền với từ Destructive, tức là phá hủy, đột phá. Gọi là sự sáng tạo mang tính phá hủy. Người mà có quá nhiều quá khứ hoành tráng, có quá nhiều hạ tầng 1.0, 2.0, 3.0 sẽ không có đủ can đảm phá hủy, chỉ có những ai đang không có gì hay có rất ít thứ trong tay. Chúng ta đang có mọi thứ để thắng vì chúng ta không có gì trong tay, không có gì để mất.
- Trước đây: Học trước rồi làm sau. Bây giờ: Làm trước học sau; trải nghiệm trước học sau thì vào hơn. Đại học cần cho các em làm nhiều hơn, làm trước khi học.
 - Trước đây: Không biết thì hỏi thầy, không biết thì đi học. Bây giờ: Biết thì hãy hỏi; tự học trước, biết 78-80-90% rồi thì mới hỏi thầy. Học rồi mới đi học.
 - Trước đây: Học sách giáo khoa, cái đã có trước đây hàng chục, hàng trăm năm. Bây giờ: Học cái chưa có trong sách giáo khoa, thí dụ CN 4.0: Trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, Cloud, Hệ thống thực-ảo...
- (“Cách mạng Công nghiệp 4.0”, Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ TT và TT Việt Nam, <https://dantri.com.vn>, 26/02/2018)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra sự đột phá về việc học mà cuộc Cách mạng 4.0 đã tạo ra.

Câu 2. Vì sao tác giả lại cho rằng: “Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 là sự sáng tạo mang tính phá hủy”?

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về quan điểm “Trước đây: Học trước rồi làm sau. Bây giờ: Làm trước học sau; trải nghiệm trước học sau thì vào hơn” của tác giả?

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: “Biết thì hãy hỏi; tự học trước, biết 78-80-90% rồi thì mới hỏi thầy.” của tác giả không? Vì sao?

Câu 5. Câu nói “Cách mạng 4.0 đột phá về việc học: Chung qui chỉ có một chữ là LÀM NGƯỢC” có ý nghĩa như thế nào đối với việc học của thế hệ trẻ ngày nay?

GỢI Ý

Câu 1. Sự đột phá về việc học mà cuộc Cách mạng 4.0 tạo ra là: làm ngược

Câu 2. Tác giả lại cho rằng: “Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 là sự sáng tạo mang tính phá hủy” bởi:

- Các công cụ 4.0 đã hỗ trợ cho các cách làm khác, làm ngược lại những gì đã có từ trước để từ đó sáng tạo, vượt trội lên.

- Cuộc Cách mạng 4.0 có thể vượt lên trên những hạ tầng trước đó để tạo nên những cái mới.

Câu 3. Quan điểm “*Trước đây: Học trước rồi làm sau. Bây giờ: Làm trước học sau; trải nghiệm trước học sau thì vào hơn*”:

- “Trước đây, bây giờ” chỉ hai thời điểm của quá khứ và hiện tại. “Học” là quá trình lĩnh hội kiến thức, “làm” là quá trình thực hành, biến lý thuyết thành kỹ năng, “trải nghiệm” là quá trình trực tiếp khám phá, tiếp nhận, lĩnh hội cái mới.

- Quan điểm trên được hiểu là: Cách học trước kia là tìm hiểu lý thuyết trước rồi sau đó mới làm. Cách học ngày nay là phải thực hành trước rồi mới rút ra lý thuyết. Và khi tự mình làm, trải nghiệm thì sẽ học nhanh hơn.

- Ý kiến đã chỉ ra sự khác biệt giữa cách học ngày xưa và cách học trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0 ngày nay.

Câu 4. Có đồng tình với ý kiến: “*Biết thì hãy hỏi; tự học trước, biết 78-80-90% rồi thì mới hỏi thầy.*” của tác giả không? Vì sao?

- Bày tỏ quan điểm của cá nhân: Đồng tình/ Không đồng tình/ Đồng tình một nửa

- Nếu đồng tình: lí giải theo hướng chỉ ra ưu điểm của việc tự học, tự nghiên cứu.

+ Bởi khi chúng ta biết về lĩnh vực chúng ta đang tìm hiểu, chúng ta sẽ biết đặt ra những câu hỏi trọng tâm để giúp chúng ta hiểu sâu sắc vấn đề, đồng thời có thể tìm thấy những vấn đề mới, hướng giải quyết mới từ cái đã có.

+ Khi tự học trước, chúng ta sẽ rèn luyện được tính tích cực, chủ động trong quá trình học tập. Từ đó, sẽ giúp chúng ta hình thành tính cách chủ động, tích cực trong cuộc sống.

- Nếu không đồng tình: chỉ ra những khó khăn của việc tự học, tự nghiên cứu trước khi hỏi thầy.

+ Bởi quá trình tự học, tự nghiên cứu sẽ mất nhiều thời gian, sẽ gây khó khăn trong quá trình xác định vấn đề trọng tâm, đôi khi còn đưa chúng ta đến thất bại bởi không hiểu rõ được bản chất vấn đề

+ Quá trình tự học sẽ dễ khiến chúng ta đánh mất niềm hứng thú trong học tập, việc học sẽ trở nên nhàm chán và sẽ khiến chúng ta dễ rơi vào cảm giác thiếu tự tin về bản thân.

- Nếu đồng tình một nửa: kết hợp hai cách lí giải trên

Câu 5. Câu nói “*Cách mạng 4.0 đột phá về việc học: Chung qui chỉ có một chữ là LÀM NGƯỢC*” có ý nghĩa đối với việc học của thế hệ trẻ ngày nay

- Câu nói đã khẳng định: Cách mạng 4.0 đã tạo nên những bước chuyển biến mới, mạnh mẽ trong quá trình học tập, đó là tạo ra quá trình học ngược, làm ngược.

- Câu nói có ý nghĩa với việc học của thế hệ trẻ ngày nay:

++ Nhận thức được cần phải có sự thay đổi trong việc học tập khi xã hội bước vào Cách mạng 4.0. Cần có đột phá trong tư duy: trước tư duy một chiều, nay tư duy phản biện; trong phương pháp cần có đột phá trong động cơ, mục đích học.

++ Có thêm quyết tâm để làm mới quá trình học tập, để tìm kiếm năng lực tiềm ẩn trong bản thân, để bắt kịp thời đại và làm chủ cuộc Cách mạng 4.0...

++ Đặt ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ cần có phương pháp học tập chủ động, tích cực hơn.

ĐỀ LUYỆN 02

Đọc đoạn trích:

(1) “Cái quý giá nhất trên đời mà mỗi người có thể góp phần mang lại cho chính mình và cho người khác đó là “năng lực tạo ra hạnh phúc”, bao gồm năng lực làm người, năng lực làm việc và năng lực làm dân.

(2) Năng lực làm người là có cái đầu phân biệt được thiện - ác, chân - giả, chính - tà, đúng - sai..., biết được mình là ai, biết sống vì cái gì, có trái tim chan chứa tình yêu thương và giàu lòng trắc ẩn. Năng lực làm việc là khả năng giải quyết được những vấn đề của cuộc sống, của công việc, của chuyên môn, và thậm chí là của xã hội. Năng lực làm dân là biết được làm chủ đất nước là làm cái gì và có khả năng để làm được những điều đó. Khi con người có được những năng lực đặc biệt này thì sẽ thực hiện được những điều mình muốn. Khi đó, mỗi người sẽ trở thành một “tế bào hạnh phúc”, một “nhà máy hạnh phúc” và sẽ ngày ngày “sản xuất hạnh phúc” cho mình và cho mọi người.

(3) Xã hội mở ngày nay làm cho không có ai là “nhỏ bé” trên cuộc đời này, trừ khi tự mình muốn “nhỏ bé”. Ai cũng có thể trở thành những “con người lớn” bằng hai cách, làm được những việc lớn hoặc làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn. Và khi biết chọn cho mình một lẽ sống phù hợp rồi sống hết mình và cháy hết mình với nó, mỗi người sẽ có được một hạnh phúc trọn vẹn. Khi đó, ta không chỉ có những khoảnh khắc hạnh phúc, mà còn có cả một cuộc đời hạnh phúc. Khi đó, tôi hạnh phúc, bạn hạnh phúc và chúng ta hạnh phúc. Đó cũng là lúc ta thực sự “chạm” vào hạnh phúc!.”

“Để chạm vào hạnh phúc”

Giản Tư Trung, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 3/2/2012)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn (2).

Câu 2. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 3. Hãy giải thích nghĩa hàm ý của cụm từ “nhỏ bé” và “con người lớn” trong đoạn văn trên.

Câu 4. Nêu hiệu quả của biện pháp liệt kê trong câu văn: Khi đó, mỗi người sẽ trở thành một “tế bào hạnh phúc”, một “nhà máy hạnh phúc” và sẽ ngày ngày “sản xuất hạnh phúc” cho mình và cho mọi người.

Câu 5. Anh/ chị sẽ chọn cách “chạm” vào hạnh phúc nào trong hai cách sau: “làm những việc lớn” hay “làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn”. Hãy đưa ra hai lý do để giải thích cho sự lựa chọn của mình

GỢI Ý

Câu 1. Thao tác lập luận chính trong đoạn (2): Thao tác lập luận giải thích

Câu 2: Nội dung chính của văn bản trên:

- Con người có năng lực tạo ra hạnh phúc, bao gồm: năng lực làm người, làm việc, làm dân.

- Để chạm đến hạnh phúc con người phải trở thành “con người lớn” bằng hai cách: làm việc lớn hoặc làm việc nhỏ với tình yêu lớn.

Câu 3. Giải thích nghĩa hàm ý của cụm từ “*nhỏ bé*” và “*con người lớn*”

- “Nhỏ bé” là tính từ chỉ những điều/ những sự vật có kích thước nhỏ và giá trị không lớn. Nghĩa hàm ý của cụm từ “*nhỏ bé*” trong đoạn văn là nói về sự tầm thường, thua kém, tẻ nhạt của con người.

- “Con người lớn” là cụm danh từ, không phải là nói về con người có hình dáng cao lớn mà mang hàm ý hướng đến những con người có tâm hồn có khát vọng, luôn khao khát được tự do thể hiện mình, khẳng định giá trị bản thân, thực hiện những ước mơ, sống cao đẹp, có ích, có ý nghĩa...

Câu 4. Hiệu quả của biện pháp liệt kê trong câu văn: *Khi đó, mỗi người sẽ trở thành một “tế bào hạnh phúc”, một “nhà máy hạnh phúc” và sẽ ngày ngày “sản xuất hạnh phúc” cho mình và cho mọi người.*

- Biện pháp liệt kê trong câu văn là: Liệt các cụm danh từ, động từ “tế bào hạnh phúc”, “nhà máy hạnh phúc”, “sản xuất hạnh phúc”.

- Hiệu quả của biện pháp liệt kê:

+ Nhấn mạnh, cụ thể hóa mục tiêu, vai trò, chức năng của mỗi cá nhân con người trên hành trình kiến tạo hạnh phúc cho chính bản thân, cho mọi người và cho cộng đồng xã hội. Mỗi cá nhân con người không chỉ là thành phần tạo nên hạnh phúc mà con người còn chính là nơi “sản xuất” ra hạnh phúc.

+ Khiến câu văn giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm. Đồng thời tạo nhịp điệu, giọng điệu cho câu văn.

Câu 5. Chọn cách “chạm” vào hạnh phúc nào trong hai cách sau: “*làm những việc lớn*” hay “*làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn*”. Hãy đưa ra hai lý do để giải thích cho sự lựa chọn.

- Bày tỏ quan điểm chọn cách “chạm” vào hạnh phúc:

+ Hoặc “*làm những việc lớn*”

+ Hoặc “*làm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn*”

- Lý giải sự lựa chọn của bản thân:

+ Nếu chọn “*làm những việc lớn*” thì lý giải theo hướng:

++ “Việc lớn” là những việc gắn với ước mơ, lý tưởng hào hùng, lối sống năng động, nhiệt huyết, tràn đầy khát vọng.

++ Tuổi trẻ là độ tuổi căng tràn nhựa sống, nhiều khát vọng, nhiều ước mơ vì thế cần hướng tới những điều lớn lao để thỏa khát vọng của bản thân. Và chỉ khi biết hướng đến những việc lớn thì mỗi chúng ta mới có cơ hội được khẳng định mình, được đóng góp sức mình cho quê hương, đất nước, lan tỏa những điều tốt đẹp đến cộng đồng xã hội.

+ Nếu chọn “*tìm những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn*” thì lý giải theo hướng:

++ “Việc nhỏ” là những việc làm đơn giản, nhỏ bé. “Tình yêu cực lớn” là niềm đam mê.

++ Cuộc sống vốn được tạo nên từ những điều nhỏ bé. Nhưng mỗi điều nhỏ bé đều có giá trị của nó. Và mà mỗi con người chúng ta cũng đều có một năng lực riêng, một giới hạn trí tuệ nhất định. Vì thế chúng ta nên chọn những việc phù hợp với năng lực của mình và thực hiện nó với một tình yêu, niềm đam mê mãnh liệt.

ĐỀ LUYỆN 03

Đọc đoạn trích:

“*Tôi chỉ muốn kể bạn nghe về những cánh thư gửi ông già Noel của trẻ em trên toàn thế giới. Bạn biết không? Có những ước mơ xúc động thế này: “... Mẹ nói bố đang làm ở thiên đường chỗ ông già Noel. Cháu xin ông cho bố cháu nghỉ làm để đưa cháu đi coi sở thú”, “Cháu chỉ ước một ngày không bị cười nhạo... vì cháu bị liệt não và có đôi*

chân cà nhắc", "Cháu thích búp bê nhưng ông hãy cho cháu một quả bóng để hai chị em cháu có thể chơi chung vì chúng cháu chưa bao giờ có đồ chơi"...

Có những đứa trẻ không biết chữ và khi được biết về ông già Noel đã gửi gắm: "Ông cho cháu biết mẹ cháu là ai, gia đình của cháu ở đâu, cháu muốn về nhà, muốn được đi học...". Lại cũng có những đứa trẻ bên hàng rào thép gai ở trại tị nạn viết rằng: "... xin ông sáng mai hãy cho chúng cháu một ổ bánh mì kẹp thịt nướng, đã bảy tháng nay cháu không biết mùi thịt nướng và ngày nào cũng nhặt vụn bánh mì lẫn trên đất...". Hay đứa trẻ thất thân ngồi trên đồng cỏ nát khi tận mắt chứng kiến cái chết của người thân, ao ước trong tuyệt vọng: "Ông già Noel, nếu ông có thật thì hãy dừng ngay chiến tranh và quét sạch máu trên quê hương của cháu...".

Thế đấy, đói rét, khổ đau, mất mát, trẻ em vẫn không thôi mơ ước. Ước mơ của trẻ nói với ta về thế giới tâm hồn trong như pha lê về cuộc sống còn bao thiếu thốn, khổ đau. Những mơ ước ấy của bất cứ đứa trẻ nào cũng cao đẹp, đáng trân trọng như nhau. Và ông già Noel là phép màu giúp chúng thực hiện những ước mơ mà người lớn không làm được. Đó cũng là chỗ bầu vút của những đứa trẻ bất hạnh. Xin đừng tước đi của chúng!

Còn nếu như một ngày nào đó những đứa trẻ phát hiện ra chẳng có ông già Noel với phép màu nào cả, đó là ba mẹ, là chủ nhân viên bưu điện... Không sao! Đó lại là một cơ hội khác cho tình yêu thương! Mẹ, ba, chủ nhân viên... đúng là người đã mặc bộ quần áo đỏ, đeo râu trắng, là người đã đặt những món quà bên lò sưởi. Lại thay, ông già Noel gần gũi và bình dị vô cùng! Là ta khi chìa tay cho một cô bé bán vé số trong đêm Giáng sinh, là cậu bạn cùng lớp mang đến cho bạn của mình một chiếc ô tô đồ chơi với lí do "Nhà bạn không có ống khói, ông già Noel không chui vào được". Một bé em tiết kiệm tiền làm nhà cho người vô gia cư, một bạn nhỏ nuôi tóc dài trong 2 năm để giúp đỡ các bệnh nhi ung thư, các tổ chức nhân đạo, hàng ngàn người thiện nguyện vì trẻ nhỏ... Đó chẳng phải là những ông già Noel có thực trong cuộc đời này sao? Ai được con trẻ tin tưởng gửi gắm những ước mơ, ai mang đến cho trẻ niềm vui, ai yêu thương trẻ... thì đó đều là những ông già Noel của chúng rồi!

Thế nhưng, trái đất này rộng lớn, tình yêu thương, lòng nhân ái dù có bao nhiêu cũng vẫn chưa thể lấp đầy. Ai sẽ là ông già Noel của những đứa trẻ lang thang, thất học, đói rét ôm nhau co ro nơi góc phố? Ai sẽ mang đến phép màu cho những đứa trẻ bơ vơ, hoảng loạn khi nhà cửa bị cuốn trôi sau cơn siêu bão? Bao đứa trẻ vô tội không có tuổi thơ và cũng không biết tương lai sẽ ra sao khi chung quanh chỉ toàn bom đạn, mất mát và những cuộc trốn chạy khỏi quê hương?... Liệu bao giờ chúng thực sự có một lễ Giáng sinh?

Và giờ thì bạn thấy đấy, dù bạn là ai, ở đâu, địa vị sang hèn thế nào, nếu bên cạnh bạn có một đứa trẻ, hãy trở thành ông già Noel của chúng!

Bạn ạ, tương lai của nhân loại nằm trong tay những người mà giờ đang là đứa trẻ. Một vĩ nhân, một CEO danh tiếng, một chính trị gia quyền lực, thậm chí một trùm khủng bố, một người vô danh hay một nhân vật nắm trong tay vận mệnh của nhân loại thì cũng từng là đứa trẻ thôi. Nếu mọi đứa trẻ đều được nuôi dưỡng trong đủ đầy yêu thương, có tâm hồn trong sáng và hướng thiện thì liệu thế giới này còn có chiến tranh, bao lực, vô cảm, tham lam hay bất công?

Thân ái!

GỢI Ý

Câu 1. Mỗi quan hệ giữa thực tại và ước mơ của những đứa trẻ là sự đối lập, trái ngược nhau:

- Thực tại đầy bất hạnh, thiếu thốn, khổ đau: mất cha, mất mẹ, không gia đình, người thân, bị tàn tật, đói nghèo, đối diện với chiến tranh, chết chóc...
- Ước mơ đẹp, ngọt ngào, hạnh phúc: được sống trong hòa bình, bên cạnh những người thân yêu, được đi học, được ăn no, được lành lặn...

Câu 2. Những lí lẽ mà tác giả đã đưa ra để thuyết phục chúng ta: *Xin đừng tước đi hình ảnh ông già Noel trong những đứa trẻ* là:

- Bất cứ ước mơ nào của trẻ con cũng đều cao đẹp, đáng trân trọng. Và ước mơ ông già Noel có thật trong đời càng đẹp hơn.
- Cuộc sống còn muôn vàn thiếu thốn, khổ đau, ông già Noel là chỗ “bấu víu” của những đứa trẻ bất hạnh.
- Ông già Noel là phép màu giúp chúng thực hiện ước mơ mà người lớn không làm được
- Ông già Noel không chỉ có trong ước mơ của lũ trẻ mà còn có trong đời thực. Ông già Noel ở trong hình hài của cha, mẹ, của người thân, bạn bè...của những người yêu thương, tin tưởng chúng, những người mang tới niềm vui, hạnh phúc cho chúng...

Câu 3. Các giá trị “chân, thiện, mỹ” được tác giả thể hiện qua đoạn văn:

- “Chân” là cái thật, cái đúng, cái lẽ phải của cuộc sống. Đoạn văn trên đã thể hiện “cái thật” trong cuộc sống ngày nay vẫn còn quá nhiều những khổ đau, bất hạnh: những cuộc chiến tranh kéo dài, sự hủy diệt của thiên tai, đói nghèo, thất học...
- “Thiện” là những việc làm, những điều tốt lành của con người, cuộc sống. Đoạn văn trên đã thể hiện tình yêu thương, nhân ái của con người trong cuộc sống; tâm lòng luôn trân trọng hướng về những đứa trẻ, những mảnh đời khổ đau bất hạnh của chính tác giả
- “Mỹ” là cái đẹp. Cái đẹp mà tác giả thể hiện trong đoạn văn trên là cái đẹp trong tâm hồn mỗi con người khi quan tâm tới những mảnh đời khổ đau, bất hạnh; là cái đẹp trong tâm hồn của chính tác giả.

Câu 4. Câu văn: *Một vĩ nhân, một CEO danh tiếng, một chính trị gia quyền lực, thậm chí một trùm khủng bố, một người vô danh hay một nhân vật nắm trong tay vận mệnh của nhân loại thì cũng từng là đứa trẻ thôi* gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

- “Vĩ nhân, CEO, chính trị gia, nhân vật nắm trong tay vận mệnh nhân loại” là những người có tài năng, có nhân cách, có những đóng góp lớn cho quê hương, đất nước; cho cộng đồng xã hội và cho nhân loại. “Trùm khủng bố” là kẻ ác, thường gây ra chết chóc, đau thương cho con người. “Người vô danh” là những người đời thường, nhỏ bé không có vị trí, không có ảnh hưởng gì đến cộng đồng xã hội, quê hương đất nước.
- Câu nói đã khẳng định: Bất cứ một đối tượng nào dù là những người tài năng, có vai trò quan trọng trong xã hội hay những kẻ gây ra tội ác cho xã hội thì cũng đã từng là một đứa trẻ.
- Câu nói gợi cho chúng ta những suy nghĩ sâu sắc:
 - + Giúp chúng ta nhận thức được hành trình cuộc đời của con người nói chung đều giống nhau ở quy luật chung: sinh ra – lớn lên – trưởng thành; đều đã từng là đứa trẻ. Và chính quá trình nuôi dưỡng khác nhau đã hình thành những tính cách khác nhau trong mỗi đứa trẻ.

- + Từ đó giúp chúng ta nhận thấy cần phải biết yêu thương, bao bọc chở che những đứa trẻ. Tương lai của mỗi cá nhân con người, tương lai của quê hương, đất nước hay tương lai của nhân loại phụ thuộc vào chính quá trình nuôi dưỡng ấy.
- + Chúng ta cần có trách nhiệm và những hành động để chăm sóc, bảo vệ, yêu thương những đứa trẻ.

Câu 5.

- Bày tỏ quan điểm của bản thân: Đồng tình hay phản đối hay đồng tình một phần
- Lí giải cho quan điểm của bản thân:
- + Nếu đồng tình thì lí giải theo hướng: Lễ Giáng sinh và hình ảnh ông già Noel là nét đặc trưng của văn hóa phương Tây. Quá trình hội nhập đã kéo theo sự du nhập của nét văn hóa này vào Việt Nam. Việc lạm dụng, phô trương, thương mại hóa các sự kiện nhân dịp lễ Giáng sinh khiến nhiều người lầm tưởng đó là kì lễ truyền thống, làm lu mờ đi những lễ hội truyền thống thực sự của dân tộc.
- + Nếu phản đối thì lí giải theo hướng: Lễ Giáng sinh và hình ảnh ông già Noel là một nét đẹp văn hóa, mang giá trị nhân văn tốt đẹp. Trong quá trình hội nhập, Việt Nam không khước từ những nét văn hóa đẹp đó, mà chọn lọc để tạo nên một ngày Lễ giáng sinh, một hình ảnh ông già Noel mang đậm vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam.
- + Nếu đồng tình một phần thì kết hợp cả hai ý trên.

ĐỀ LUYỆN 04

Đọc đoạn trích:

" ...Có những lúc chúng ta đã quá quen với những vỗ về của cuộc sống, của mẹ của cha, không tự lo nỗi cho mình những việc giản đơn; rồi thành thói quen và thành ỷ lại. Từ hôm nay, hãy biết nghĩ về nhà, về phố, về đồng làng một nắng hai sương, về người nông dân chờ mùa nước lũ, về những người thân ngày đêm tần tảo và nghĩ lớn hơn là Tổ quốc Việt Nam.

Quá khứ là hành trang mang theo trong tâm tưởng của mỗi đời người, quá khứ sẽ thôi thúc để vươn lên nhưng chớ sống chỉ bằng quá khứ. Hãy nghĩ về tương lai và hành động để có tương lai tốt đẹp.

Hãy biết nghĩ đến miếng cơm manh áo, nhưng thanh niên, sinh viên mà suốt ngày lằm lũi để hết tâm trí dồn vào cái ăn, cái mặc cho riêng mình thì thật nhỏ nhoi và bạc nhược. Hãy vượt thoát lên hoàn cảnh để làm những điều cao cả, xây những chí lớn cho đời.

Công cha, nghĩa mẹ là nặng sâu, nhưng hãy nghĩ điều thiêng liêng hơn, đó là đất nước. Không xa đâu, đó là mảnh đất đời người nuôi mình khôn lớn, đó là dòng sông nối giữa đôi bờ, đó là cánh rừng hẹp dần vì mưu sinh của đồng bào nghèo khó, đó là bờ biển dài ôm trọn mảnh đất thiêng và ngoài kia là biển cả sóng vỗ về để có những vần thơ.

...

Đến tuổi này, các em đừng mơ những giấc mơ đơn độc. Thành công của những ước mơ riêng tư cùng lắm thì thay đổi một phận đời, nhưng đất nước này cần biết bao những ước mơ cao cả để mai ngày hiện thân một dân tộc tự cường.

...

Hãy mở toang cái đầu ra để đón những luồng suy nghĩ mới của thời đại. Sự vụn vặt, tiểu tiết trong tư duy cần loại bỏ ngay. Các em là công dân của thời đại hiện đại. Điều đau đầu là chúng ta vẫn để đất nước còn nghèo. Có khi nào trong khoảng nghĩ suy của các em vọng lên những điều trăn trở để đốc lòng cho một tương lai?”

-Trích bài phát biểu của GS Nguyễn Văn Minh,
Hiệu trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội –

Thực hiện những yêu cầu sau:

Câu 1. Điều lớn lao nhất mà GS Nguyễn Văn Minh định hướng cho các bạn trẻ nên nghĩ tới là gì?

Câu 2. Nêu hiệu quả của biện pháp lặp cấu trúc câu trong câu văn sau: *Không xa đâu, đó là mảnh đất đời người nuôi mình khôn lớn, đó là dòng sông nối giữa đôi bờ, đó là cánh rừng hẹp dần vì mưu sinh của đồng bào nghèo khó, đó là bờ biển dài ôm trọn mảnh đất thiêng và ngoài kia là biển cả sóng vỗ về để có những vằn thơ.*

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói: *“Hãy biết nghĩ đến miếng cơm manh áo, nhưng thanh niên, sinh viên mà suốt ngày lăm lũi để hết tâm trí dồn vào cái ăn, cái mặc cho riêng mình thì thật nhỏ nhoi và bạc nhược”* của tác giả?

Câu 4. Qua bài phát biểu của Giáo sư, anh/chị có suy nghĩ gì về những hạn chế của giới trẻ ngày nay ?

Câu 5. GS Nguyễn Văn Minh cho rằng: *“Hãy vượt thoát lên hoàn cảnh để làm những điều cao cả, xây những chí lớn cho đời”*, còn Thụy Thảo lại tâm niệm: *“Ta mong với trời cao và biển rộng/ Mà quên rằng hoa từ đất mà ra”* (“Vội tuổi”). Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong hai quan niệm trên.

GỢI Ý

Câu 1. Điều lớn lao nhất mà GS Nguyễn Văn Minh định hướng cho các bạn trẻ nên nghĩ tới là: đất nước, tổ quốc **Việt Nam**

Câu 2. Nêu hiệu quả của biện pháp lặp cấu trúc câu trong câu văn sau: *Không xa đâu, đó là mảnh đất đời người nuôi mình khôn lớn, đó là dòng sông nối giữa đôi bờ, đó là cánh rừng hẹp dần vì mưu sinh của đồng bào nghèo khó, đó là bờ biển dài ôm trọn mảnh đất thiêng và ngoài kia là biển cả sóng vỗ về để có những vằn thơ.*

- Biện pháp lặp cấu trúc câu: Đó là ...

- Việc sử dụng biện pháp lặp cấu trúc trong đoạn văn trên có tác dụng:

+ Nhấn mạnh những không gian của đất nước, quê hương. Đó là những không gian quen thuộc với mỗi người – mảnh đất đã nuôi mình khôn lớn, dòng sông đắp nối đôi bờ; là không gian gắn liền với sự sinh tồn của con người – cánh rừng đang hẹp dần vì mưu sinh; là không gian cao cả, thiêng liêng nhưng cũng vô cùng thơ mộng, trữ tình – mảnh đất thiêng, biển cả sóng vỗ.

+ Thể hiện tình yêu quê hương đất nước; niềm tự hào, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, niềm cảm thông yêu thương với cuộc sống còn khó khăn, lam lũ, vất vả của người dân đất Việt.

+ Tạo nhịp điệu, giọng điệu cho đoạn văn.

Câu 3.

- Câu nói: *“Hãy biết nghĩ đến miếng cơm manh áo, nhưng thanh niên, sinh viên mà suốt ngày lăm lũi để hết tâm trí dồn vào cái ăn, cái mặc cho riêng mình thì thật nhỏ nhoi và*

bạc nhuọc” đã sử dụng những cụm từ “miếng cơm manh áo” gọi về cuộc sống sinh hoạt đời thường, những nhu cầu thiết yếu, tối thiểu của con người; các cụm từ “lầm lũi”, “nhỏ nhoi”, “bạc nhuọc” miêu tả trạng thái, tâm trạng, dáng vẻ vất vả, mệt mỏi, nhỏ bé của con người.

- Câu nói có nghĩa là: Thế hệ trẻ cũng cần phải biết nghĩ đến những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống để đảm bảo cuộc sống vật chất cho mình và gia đình, nhưng nếu chỉ tập trung đảm bảo nhu cầu vật chất cho bản thân thì khiến con người trở nên nhỏ bé, yếu đuối về tinh thần, không có ý chí, khát vọng.

Câu 4.

- Nêu được những hạn chế của giới trẻ ngày nay: Dựa dẫm, ỷ lại vào cha mẹ, không tự lo nổi cho mình những việc giản đơn. Dề tâm trí vào cái ăn, cái mặc cho riêng mình. Mơ những giấc mơ đơn độc cho bản thân mình. Không chịu tiếp nhận những luồng suy nghĩ mới của thời đại. Tư duy còn vụn vặt, tiểu tiết...

- Suy nghĩ về những hạn chế của giới trẻ ngày nay:

Giới trẻ ngày nay phần lớn vẫn quen với sự bao bọc của cha mẹ, vẫn chỉ hướng tới nhu cầu hưởng thụ cá nhân, chưa biết hướng tới những điều lớn lao, chưa biết đón nhận những tư tưởng mới để thay đổi bản thân, thay đổi tư duy. Đó là thực tế đáng lo ngại. Mỗi bạn trẻ cần phải nhìn lại bản thân mình để thay đổi...

Câu 5. “ *Hãy vượt thoát lên hoàn cảnh để làm những điều cao cả, xây những chí lớn cho đời*”, còn Thụy Thảo lại tâm niệm: “*Ta mong với trời cao và biển rộng mà quên rằng hoa từ đất mà ra*” (“ Với tuổi”).

Điểm giống và khác nhau trong hai quan niệm trên.

- Điểm giống:

+ Cùng đưa ra quan niệm sống tích cực cho con người.

+ Cùng hướng con người tới những điều lớn lao

- Điểm khác:

+ Quan niệm của GS Nguyễn Văn Minh: Con người phải vượt lên trên hoàn cảnh để hướng tới và làm nên những điều lớn lao, cao cả cho đời

+ Quan niệm của Thụy Thảo: Trước khi hướng tới những điều lớn lao, cao cả, con người cần biết trân trọng những điều bình dị, gần gũi trong cuộc sống của mình.

Nêu đúng mỗi ý trong điểm giống, khác đạt 0.25 điểm. Chấp nhận cách diễn đạt khác

II. luyện đề tổng hợp.

ĐỀ BÀI 1

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong tiếng Việt có chữ thương mà cũng có chữ xót. Cha mẹ thương con cho roi cho vọt nhưng cha mẹ biết xót con thì sẽ không đánh con quá đau.

Con thương mẹ, con biết chăm chỉ học hành, nhưng nếu con còn biết xót mẹ thì con sẽ không ngồi yên học và co chân lên cho mẹ quét nhà.

Con thương mẹ, con sẽ học thật nhiều, nhưng nếu con xót mẹ thì con sẽ học thật nhanh để còn giúp mẹ đánh vật với chậu quần áo sau một ngày tất tả chạy chợ...

Thương có thể mang đôi cánh và bay lên cao, đậu trên cành lý thuyết.

Xót là hạ cánh xuống từng thành phần cụ thể, kể cả từng thân phận con sâu cái kiến nhỏ nhoi để bị che khuất.

Thương làm cho người ta cao cả, xót còn khiến người ta thêm từ ái, bao dung và xa lạ với điều ác trong từng cử chỉ cụ thể....

Hãy biết xót bằng hành động chứ đừng chỉ thương bằng lời nói nghe em...

(Trích “Tôi muốn hỏi em: Về sau thế nào?”, Đoàn Công Lê Huy, NXB Kim Đồng)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những biểu hiện của cha mẹ thương con và xót con trong đoạn trích.

Câu 3. Xác định nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4. Nêu hiệu quả của phép điệp cấu trúc trong các câu văn sau:

Con thương mẹ, con biết chăm chỉ học hành, nhưng nếu con còn biết xót mẹ thì con sẽ không ngồi yên học và co chân lên cho mẹ quét nhà.

Con thương mẹ, con sẽ học thật nhiều, nhưng nếu con xót mẹ thì con sẽ học thật nhanh để còn giúp mẹ đánh vật với chậu quần áo sau một ngày tất tả chạy chợ...

Câu 5. Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. 2.0 điểm

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò của gia đình đối với mỗi con người.

Câu 2. 4.0 điểm

ĐI THI TỰ VINH

Đi không, há lẽ trở về không?
Cái nợ cam thư phải trả xong!
Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt
Trót đem thân thể hẹn tang bồng
Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông
Trong cuộc trần ai, ai dễ biết?
Rời ra mới rõ mặt anh hùng

Nguyễn Công Trứ

Viết bài văn nghị luận phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Đi thi tự vinh

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	
	2	Những biểu hiện của cha mẹ thương con và xót con trong đoạn trích là: - Cha mẹ thương con cho roi cho vọt - Cha mẹ xót con thì sẽ không đánh con quá đau.	
	3	Nội dung chính của đoạn trích: Đoạn trích nêu lên những biểu hiện, ý nghĩa của chữ “xót” và “thương”	

		trong cuộc sống. Qua đó, tác giả khuyên nhủ mỗi người, nhất là những người con phải biết xót thương, kính trọng, hiếu thảo với cha mẹ bằng những hành động cụ thể, thiết thực.	
	4	Hiệu quả của phép điệp cấu trúc trong đoạn trích. - Phép điệp cấu trúc: “Con thương mẹ, con... nhưng nếu con...” - Tác dụng: + Nhấn mạnh, khẳng định những biểu hiện của người con biết thương và xót người mẹ của mình. Đó là người con không chỉ biết chăm chỉ học hành mà còn biết giúp đỡ mẹ những việc trong gia đình như quét nhà, giặt quần áo... + Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.	
	5	HS nêu thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân Gợi ý: - Con cái phải biết hiếu thảo với cha mẹ. - Cha mẹ cần thấu hiểu, xót thương con đúng cách. ... Lí giải: hợp lý, sâu sắc, thuyết phục.	
II		LÀM VĂN	
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò của gia đình đối với mỗi con người. a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Vai trò của gia đình đối với mỗi con người. c. Triển khai vấn đề nghị luận: Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về vai trò của gia đình đối với mỗi con người. Có thể theo hướng sau: - Gia đình là nơi mỗi người được sinh ra, lớn lên và là nơi có những người thân yêu gắn bó, chia sẻ. - Gia đình mang lại cảm giác bình yên, sự yêu thương, che chở và dạy dỗ ta nên người. - Gia đình là điểm tựa vững chắc nhất cho mỗi con người, là bến đợi đón ta trở về, là nguồn động viên an ủi, vỗ về và luôn bên ta trong bất kì hoàn cảnh nào. - Mỗi gia đình là một tế bào của xã hội, góp phần làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.	
		d. Chính tả , chữ viết: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	

		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới	
	2		
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Giá trị nội dung, nghệ thuật bài thơ <i>Đi thi tự vịnh</i>	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu Nguyễn Công Trứ, bài thơ <i>Đi thi tự vịnh</i>	
		* Cảm nhận bài thơ: - Nhan đề bài thơ: “<i>Đi thi tự vịnh</i>” hé mở tâm trạng của Nguyễn Công Trứ. - Bài thơ thể hiện quan niệm về “chí làm trai”, quan niệm “công danh” cùng khát vọng công danh, khát vọng cống hiến tài năng, trí tuệ của mình cho đất nước, non sông của Nguyễn Công Trứ. + Quan điểm và khát vọng của nhà thơ: kẻ sĩ khi lên đường đi ứng thứ, mong mỗi một ngày đỗ đạt làm quan + Nhà thơ tự khẳng định bản thân và nhắc nhở về trách nhiệm với đất nước: ông quan niệm rằng đã sinh ra là một công dân của đất nước đồng nghĩa với việc mang trong mình trách nhiệm cống hiến + Lời nhắc nhở đánh giá cống hiến trên thực tế: nói thì lúc nào cũng dễ, ai cũng nói được, nhưng để thực hiện được thì không phải ai cũng làm được - Bài thơ cũng đã thể hiện tài năng nghệ thuật của nhà thơ: thể loại hát nói, các ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu biểu cảm	
		* Đánh giá: - Bài thơ “<i>Đi thi tự vịnh</i>” đã mang đậm phong cách của Nguyễn Công Trứ, đó là cái ngông nghênh trong suy nghĩ, cái ngang tàng trong hành động. - Tuy nhiên cái ngông nghênh và ngang tàng ấy không hề phù du và vô lý, nó có chỗ dựa là tài năng và trí tuệ xuất chúng, bản lĩnh hơn người của Nguyễn Công Trứ.	
		d. Chính tả, chữ viết: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới	
		TỔNG ĐIỂM	10.0

ĐỀ BÀI 2

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

*... Cũng có kẻ nhờ nhàn một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa,
Ngẩn ngơ khi trở về già,
Đâu chồng con tá biết là cây ai?
Sống đã chịu một đời phiền não
Thác lại nhờ hóp cháo lá đa,
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?*

*Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Dồi tháng ngày hành khát ngược xuôi,
Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan!*

*Cũng có kẻ mắc oan tù rạc
Gửi mình vào chiếu rách một manh.
Nằm xương chôn rấp góc thành,
Kiếp nào cỏi được oan tình ấy đi?*

*Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,
Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha.
Lấy ai bông bế vào ra,
U ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng...*

(Trích *Văn tế thập loại chúng sinh* – Nguyễn Du)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đối tượng chiêu hồn trong đoạn trích trên là những ai? Họ là những người có số phận như thế nào?

Câu 2. Phân tích tác dụng của những câu hỏi tu từ trong đoạn trích trên.

Câu 3. Nhận xét về tình cảm, thái độ của nhà thơ với những con người được nhắc đến trong đoạn trích.

Câu 4. Theo em, vì sao nhà thơ Nguyễn Du lại dành nhiều tình yêu thương cho “thập loại chúng sinh”?

Câu 5. Khái quát giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của đoạn trích.

PHẦN II. VIẾT (5,0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về một vẻ đẹp của bài thơ Haicu sau:

*Mưa mùa xuân reo
một em gái nhỏ
dạy con mèo múa theo*

Câu 2. Tài năng, trí tuệ, đam mê! Đó là điều làm nên giá trị con người?

Anh/chị hãy kết nối với chính bản thân mình, lựa chọn một cụm từ và viết bài văn nghị luận để trả lời câu hỏi trên.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	
	1	- Đối tượng miêu tả trong đoạn trích trên là: Những người đàn bà, những kẻ hành khất, người mắc tù oan, những đứa trẻ chết yểu. - Họ là những người có số phận bất hạnh, đáng thương, là phận con ong cái kiến bị xã hội vùi dập, sống trong đau khổ, chết trong oan ức.	
	2	- Những câu hỏi tu từ trong đoạn trích trên: “Đâu chồng con tá biết là cây ai?” “Đau đớn thay phận đàn bà” Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu? Kiếp nào cỏi được oan tình ấy đi? - Tác dụng: + Nhân mạnh bi kịch của những con người bất hạnh; thể hiện tấm lòng thương xót của nhà thơ cũng như nỗi trăn trở, băn khoăn không có lời đáp về nỗi đau khổ của nhân sinh. + Tạo nên giọng điệu buồn thương, da diết cho lời thơ.	
	3	- Tình cảm, thái độ của nhà thơ với những con người được nhắc đến trong đoạn trích: Niềm cảm thông sâu sắc, nỗi xót xa, thương cảm cho cuộc đời bất hạnh của họ. - Biểu hiện: Hiểu được phận đàn bà nhiều truân chuyên, nhà thơ buông lời than đầy chua xót «Đau đớn thay phận đàn bà»; hiểu được cuộc sống nhọc nhằn đói rét của những kẻ hành khất, nhà thơ cảm thán: «Thương thay cũng một kiếp người»; Nguyễn Du như đau với nỗi đau của những kẻ tù tội, chết oan, khóc với tiếng khóc của những đứa trẻ vừa sinh ra đã phải lìa mẹ lìa cha..	
	4	Nhà thơ Nguyễn Du dành nhiều tình yêu thương cho “thập loại chúng sinh” - Họ là những con người bất hạnh, là nạn nhân của xã hội bất công - Nguyễn Du là người có tấm lòng nhân ái, thương người - Ông từng trải nghiệm 15 năm gió bụi đói, rét.. nên ông thấu hiểu cho nỗi đau của «thập loại chúng sinh».	
	5	- Giá trị hiện thực: Đoạn trích thể hiện phần nào hiện thực	

		cuộc sống của lớp người dưới đáy xã hội: Không được coi trọng, phải chịu đè nén, oan ức.. - Giá trị nhân đạo: + Đoạn trích thể hiện lòng cảm thông, thương xót của nhà thơ đối với những kiếp người bất hạnh đó; + Gián tiếp tố cáo xã hội bất công tước đi quyền sống của con người; + Lên tiếng đòi quyền sống cho họ..	
II		VIẾT	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về một vẻ đẹp của bài thơ Haicu: <i>Mưa mùa xuân reo</i> <i>một em gái nhỏ</i> <i>dạy con mèo múa theo</i> <i>(Kobashi Issa . 1763-1827)</i>	
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Đoạn nghị luận văn học	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Một vẻ đẹp của bài thơ Haicu	
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Giới thiệu bài thơ, thể loại, tên tác giả: Bài thơ Haicu của Kobashi Issa - Bày tỏ quan điểm: Vẻ đẹp của bài thơ là giá trị tư tưởng + Ca ngợi vẻ đẹp giao hòa giữa thiên nhiên, con người và cuộc sống trong mùa xuân. + Thể hiện tình yêu, niềm xúc động của NVTT trước khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống thơ mộng, bình yên. - Ý nghĩa của cái đẹp trong giá trị tư tưởng: + Tác phẩm có chiều sâu, phản ánh chân thực vẻ đẹp cuộc sống + Qua đó, cho thấy tấm lòng của thi nhân trước cuộc sống. + Làm nên sức sống cho tác giả, tác phẩm.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên	

		kết câu trong đoạn văn.	
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
	2	Tài năng, trí tuệ, đam mê! Đây là điều làm nên giá trị con người? Anh/chị hãy kết nối với chính bản thân mình, lựa chọn một cụm từ và viết bài văn nghị luận để trả lời câu hỏi trên.	
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Bài nghị luận xã hội	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Điều làm nên giá trị con người?	
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i> - Bày tỏ quan điểm cá nhân: Lựa chọn 01 trong 03 điều làm nên giá trị con người: Tài năng hoặc trí tuệ hoặc đam mê. - Giải thích và làm sáng tỏ vấn đề bằng lí lẽ và dẫn chứng. * Nếu chọn tài năng là điều làm nên giá trị con người: - Giải thích: Tài năng là gì? Tài năng là năng lực đặc biệt, trình độ, phẩm chất, sự sáng tạo vượt trội của một cá nhân. - Vì sao tài năng làm nên giá trị của con người? + Tài năng giúp con người dễ dàng đáp ứng yêu cầu, gặt hái thành công, hiệu quả xuất sắc trong mọi công việc thuộc mọi lĩnh vực trong cuộc sống. + Tài năng giúp con người có nhiều đóng góp cho cuộc sống chung của cả cộng đồng, cho quê hương, đất nước * Nếu chọn trí tuệ là điều làm nên giá trị con người: - Giải thích: Trí tuệ là gì? Trí tuệ là khả năng suy nghĩ và hành động sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết, ý thức chung và cái nhìn sâu sắc của một cá nhân. - Vì sao trí tuệ làm nên giá trị của con người? + Trí tuệ giúp con người có hiểu biết phong phú, sâu rộng, có khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã tích lũy để làm chủ hoàn cảnh, giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống, từ đó đạt đến thành công. - Trí tuệ rèn cho con người những đức tính phẩm chất đạo đức tốt như kiên trì, bền bỉ, cầu tiến. - Trí tuệ giúp con người khẳng định chính mình, có chỗ đứng trong xã hội, được kính trọng, yêu mến. * Nếu chọn đam mê là điều làm nên giá trị con người - Giải thích: Đam mê là gì? Đam mê là cảm giác mong	

	muốn, khát khao có được, đạt được một điều gì đó trong cuộc sống. Đam mê cũng được hiểu là bị hấp dẫn bởi một sự vật, sự việc nào đó, là sự yêu thích đối với việc mình muốn theo đuổi và thực hiện. - Vì sao đam mê làm nên giá trị của con người? + Đam mê giúp xác định phương hướng trong cuộc sống. Nhiều người xem đam mê chính “kim chỉ nam” để xác định phương cũng như tìm được hướng đi cho cuộc đời, bởi sống là phải có mục tiêu và hoàn thành được nó mới là điều ý nghĩa, và đương nhiên những mục tiêu bạn đặt ra phải xuất phát từ chính đam mê trong bạn. + Ngoài ra, niềm đam mê cũng giúp bạn làm việc có kế hoạch hơn, xác định được các công việc cần thực hiện, để từ đó tăng hiệu quả công việc và con đường thành công cũng sẽ ngắn một chút hơn. + Đam mê giúp bạn có thêm nghị lực vượt khó khăn. Trên hành trình chinh phục thành công có đầy những thử thách, khó khăn. Thế nhưng, nhờ có niềm đam mê cháy bỏng trong người bạn sẽ có động lực để vượt mọi khó khăn, thử thách được đặt ra. + Đam mê mang đến bạn cuộc sống đầy ý nghĩa. Sống với đam mê là được sống với chính con người mình, được làm những điều mình yêu thích, được cống hiến 100% sức lực và tận hưởng thành quả ngọt ngào. Mỗi ngày sống với đam mê bạn sẽ không hề thấy áp lực, mà ngược lại nó còn là động lực để bản thân bạn hướng đến thành công. - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: Không nên tuyệt đối hóa “tài năng” hoặc “trí tuệ” hoặc “đam mê”. Vì để làm nên giá trị của một con người còn cần nhiều phẩm chất, yếu tố khác. - Rút ra bài học nhận thức, hành động cho bản thân. + Nhận thức được vai trò quan trọng của “tài năng” hoặc “trí tuệ” hoặc “đam mê” + Có hành động cụ thể để tìm kiếm, phát huy, nuôi dưỡng “tài năng” hoặc “trí tuệ” hoặc “đam mê”	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được đầy đủ các luận điểm để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. - Biết lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, biết lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp để phân tích làm sáng tỏ luận điểm.	

		Lưu ý: - Học sinh có thể trình bày bài viết theo các cách khác nhau nhưng phải khoa học, logic, phù hợp với vấn đề nghị luận.	
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	